TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-12-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Huy.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên toà: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Võ Văn T, sinh năm 1947. Địa chỉ: số 30/31, đường B, khu phố N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Tài Đức là Luật sư của Chi nhánh văn phòng Luật sư Phạm Văn Cần thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968. Địa chỉ: số 30/31, đường B, khu phố N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Cao Thanh P, sinh năm 1969. Địa chỉ: số 88/8, đường T, khu phố N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hùng C, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch. Địa chỉ: Khu phố M, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1971. Địa chỉ: số 95, đường B, khu phố N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/02/2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị D chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân gần 03 năm. Nay tình cảm không còn vì vậy ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

Về con chung: Ông và bà D chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Có một căn nhà cấp 4, mái lợp tol nền lót gạch cất trên phần đất chiều ngang 4m, chiều dài 11,3m, diện tích 45,1m^2 thuộc thửa số 152, tờ bản đồ 12 đã được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/8/2012 mang tên Nguyễn Thị D, đất tọa lạc tại khu phố N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang và một chiếc xe mang biển số 68K4-2836 mang tên Võ Văn T. Ông và bà D đã tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về chi phí thẩm định giá và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông đồng ý chịu toàn bộ.

Về tài sản riêng: Trước đây ông có yêu cầu bà D trả lại 01 sợi dây chuyền 08 chỉ vàng 24k, 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24k và 01 chiếc nhẫn 03 chỉ vàng 24k. Nay ông không yêu cầu bà D trả lại số vàng trên và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng CSXH, Phòng giao dịch H số tiền 11.904.816 đồng và nợ ông Cao Thanh P số tiền 27.710.000 đồng. Toàn bộ số nợ trên ông đã thanh toán xong cho Ngân hàng và cho ông P. Nay ông không yêu cầu bà D trả lại số tiền mà ông đã thanh toán cho Ngân hàng và cho ông P. Hiện nay, vợ chồng ông không còn nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà và ông Võ Văn T chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng bà đã ly thân gần 03 năm. Nay ông T xin ly hôn bà đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà đã tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không nợ ai và không ai nợ vợ chồng bà.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 26/11/2019 ông Phạm Hùng C trình bày: Trước đây ông T và bà D có nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 11.904.816 đồng. Đến ngày 24/4/2019, ông T đã tất toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng. Hiện nay ông T, bà D không còn nợ Ngân hàng nữa và Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án ly hôn giữa ông T và bà D.

Tại bản tự khai ngày 22/3/2019 và giấy xác nhận ngày 18/11/2019 ông Cao Thanh P trình bày: Vào năm 2015, ông có nhận làm nhà cho ông T, bà D và ông T, bà D còn nợ ông tiền vật tư sắt và tiền công là 27.710.000 đồng. Đến ngày 18/11/2019 ông T đã thanh toán số tiền trên cho ông. Nay ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án ly hôn giữa ông T và bà D.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/11/2019 ông Nguyễn Thanh H khai: Vào năm 2010, ông có bán cho vợ chồng ông T, bà D một phần đất chiều ngang 4m, chiều dài 11,3m với số tiền 37.000.000 đồng, đất tọa lạc tại khu phố N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Sau khi mua đất xong thì ông T và bà D được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông T và bà D ly hôn ông không có yêu cầu độc lập hay tranh chấp gì đối với phần đất trên.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống ông bà thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông T xin ly hôn bà D đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D. Về con chung ông bà chung sống không có con chung, về tài sản chung ông bà tự thỏa thuận phân chia, về nợ chung không có. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá ghi nhận ý kiến của ông T chịu toàn bộ chi phí, về án phí ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn. Trong vụ án này bị đơn bà Nguyễn Thị D cư trú tại khu phố N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và tại phiên tòa nguyên đơn khẳng định đã thanh lý hợp đồng dịch vụ pháp lý với Luật sư nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Qua xác minh tại địa phương cho thấy ông bà chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân trên không có giá trị pháp lý. Xét thấy, trong quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông bà đã ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, quan hệ hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T xin ly hôn bà D đồng ý ly hôn. Do đó, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D.

[4] Về con chung: Ông bà trình bày không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông bà có tạo lập được một căn nhà cấp 4, mái lợp tol nền lót gạch cất trên phần đất chiều ngang 4m, chiều dài 11,3m, diện tích 45,1m^2, thuộc thửa số 152, tờ bản đồ 12, đất tọa lạc tại khu phố N, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang đã được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/8/2012 mang tên Nguyễn Thị D; một chiếc xe gắn máy mang biển số 68K4-2836 mang tên Võ Văn T. Toàn bộ tài sản trên ông bà đã tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông bà trình bày không có.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận ý kiến của ông Võ Văn T chịu toàn bộ chi phí là 470.000 đồng.

[8] Về chi phí định giá tài sản: Ghi nhận ý kiến của ông Võ Văn T chịu toàn bộ chi phí là 2.128.000 đồng.

[9] Về án phí: Ông Võ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Ông bà đã tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn T chịu toàn bộ chi phí là 470.000đ (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng), ông T đã nộp xong theo biên lai thu số 0000141 ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Tiên nên ông không phải nộp thêm.

6. Về chi phí định giá tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn T chịu toàn bộ chi phí là 2.128.000đ (Hai triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng), ông T đã nộp xong theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000182, ngày 05/12/2019 của Công ty Cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư Miền Nam Kiên Giang nên ông không phải nộp thêm.

Về án phí: Ông Võ Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008874 ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên ông không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mạc Văn Hên